

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2022/DS-PT

Ngày: 12 – 9- 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Lộc

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Trường
Bà Trần Thị Ngọc Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 173/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2022/DS-ST, ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 210/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị Kim N** - sinh năm: 1968. Địa chỉ: thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Bị đơn:*

1/ Ông **Trương Văn C**- sinh năm: 1960.

2/ Bà **Huỳnh Thị G** - sinh năm 1968 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trương Văn C có: Bà Dương Thùy T, sinh năm 1983. Địa chỉ: phường X, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người làm chứng:* NLC (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim N trình bày:

Bà N có cho bà Huỳnh Thị G vay số tiền tổng cộng là 95.000.000đ vào các ngày cụ thể như sau:

Ngày 24/7/2020 al (nhằm ngày 11/9/2020 dl) cho vay số tiền 20.000.000đ

Ngày 26/7/2020 al (nhằm ngày 13/9/2020 dl) cho vay số tiền 10.000.000đ

Ngày 11/8/2020 al (nhằm ngày 27/9/2020 dl) cho vay số tiền 30.000.000đ

Ngày 08/11/2020 al (nhằm ngày 21/12/2020 dl) cho vay số tiền 20.000.000đ

Ngày 30/11/2020 al (nhằm ngày 12/01/2021 dl) cho vay số tiền 15.000.000đ

Khi vay không thỏa thuận lãi suất, bà G có thỏa thuận vay tiền bà N vài tháng, sau khi bà G bán được đất tại tỉnh Trà Vinh thì trả tiền vốn và tính tiền lãi trả cho bà N. Các lần vay bà G có ký tên chữ “G nhận” vào biên nhận. Mục đích bà G vay tiền để làm giấy tờ sang bán đất tại tỉnh Trà Vinh và làm vốn làm ăn, chi tiêu sinh hoạt trong gia đình.

Bà N xác định chữ “G nhận” trong biên nhận do bà cung cấp cho Tòa án là do bà G viết lúc vay tiền và ký nhận tiền của bà N nên bà N không yêu cầu giám định chữ viết của bà G trong tờ biên nhận này.

Do không thấy bà G trả tiền nên bà N liên hệ bà G nhiều lần yêu cầu trả tiền nợ vay. Do vậy trong năm 2021 bà G mới gửi tiền cho ông Lê Văn Hà đóng tiền lãi dùm cho bà G được 03 lần gồm: lần 01 số tiền 2.000.000đ, lần 2 số tiền 1.500.000đ và lần 3 số tiền 1.000.000đ, tổng cộng là 4.500.000đ. Khi ông NLC giao tiền cho bà N thì không có làm biên nhận.

Do bà G không trả tiền vốn vay cho bà N nên bà N có đến nhà liên hệ gặp bà G, ông C nhiều lần để yêu cầu trả số nợ nhưng bà G và ông C đến nay vẫn không trả.

Nay bà N yêu cầu ông Trương Văn C và bà Huỳnh Thị G trả số tiền vốn vay là 95.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Huỳnh Thị G trình bày:

Vào ngày 19/05/2021 bà G có vay của bà N số tiền 35.000.000đ, khi vay không có làm biên nhận, thỏa thuận lãi suất 10.000.000đ thì 1 tháng đóng

600.000đ tiền lãi, không thỏa thuận thời gian trả. Khi vay bà G trả tiền lãi cho bà N được 03 lần tổng cộng là 10.000.000đ, các lần trả tiền lãi bà đưa tiền cho ông NLC đóng dùm cụ thể như sau: lần 01 đưa cho ông NLC 5.000.000đ, lần 2 đưa cho ông NLC 3.000.000đ, lần 3 đưa 2.000.000đ. Đến nay bà G còn nợ bà N số tiền vốn vay là 35.000.000đ. Mục đích vay tiền để tiêu xài trong gia đình và mua cá về làm mồi để bán kiếm lời.

Trước đây năm nào bà G không nhớ nhưng bà G có hỏi vay tiền của bà N nhiều lần nhưng bà G đã trả xong tiền vốn và lãi cho bà N từ trước năm 2021.

Theo như tờ biên nhận bà N cung cấp thì chữ “G nhận” không phải do bà G viết do các lần vay không làm biên nhận, tuy nhiên bà không yêu cầu Tòa án giám định chữ viết “G nhận” trong tờ biên nhận do bà N cung cấp.

Nay bà G chỉ đồng ý trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền vốn vay là 35.000.000đ.

Bị đơn ông Trương Văn C trình bày: Hợp đồng vay tiền giữa bà N và vợ ông là bà Huỳnh Thị G không liên quan gì đến ông, ông hoàn toàn không biết, không có nợ tiền của bà N nên không đồng ý trả bất cứ khoản tiền nào cho bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm người làm chứng ông NLC trình bày: Trong năm 2021 bà G có đưa tiền cho ông NLC 03 lần, số tiền tổng cộng là 10.000.000đ để đóng tiền lãi dùm cho bà G cụ thể như sau: lần 01 đưa 5.000.000đ, lần 2 đưa 3.000.000đ và lần 3 đưa 2.000.000đ. Sau khi nhận tiền ông NLC có gặp trực tiếp bà N để giao tiền dùm cho bà G, khi giao tiền không có làm biên nhận. Ông NLC cam đoan lời trình bày của mình là sự thật và không có ý kiến gì trình bày thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã xử;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N.

Buộc bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền nợ vay vốn là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí sơ thẩm và về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/6/2022 bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C kháng cáo bản án cụ thể như sau:

Ông Trương Văn C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm không đồng ý trả bà N số tiền 95.000.000đ.

Bà Huỳnh Thị G không đồng ý trả bà Trần Thị Kim N số tiền 95.000.000đ, chỉ đồng ý trả bà N số tiền 35.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm

- Bà Huỳnh Thị G giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà G chỉ đồng ý trả bà N số tiền 35.000.000đ.

- Chị Dương Thùy T đại diện cho ông Trương Văn C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Chị T trình bày tài liệu chứng cứ mà bà N cung cấp là không có căn cứ, vì bà Huỳnh Thị G không thừa nhận. Việc bà N cho bà G vay tiền ông C hoàn toàn không hay biết, nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

- Bà Trần Thị Kim N không đồng ý yêu cầu kháng cáo của ông C và bà G. Bà N yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán thụ lý vụ án, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Trương Văn C yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là chưa đủ căn cứ; vì Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị G chỉ đồng ý trả bà Trần Thị Kim N số tiền 35.000.000đ là chưa đủ căn cứ; vì bà G thừa nhận nợ bà N số tiền 95.000.000đ, bà G trình bày đã trả bà N chỉ còn nợ 35.000.000đ, bà N không thừa nhận bà G có trả tiền cho bà và bà G không cung cấp chứng cứ chứng minh có việc trả tiền cho bà N, nên không chấp nhận kháng cáo của bà G. Tại phiên tòa phúc thẩm bà G cung cấp được tài liệu chứng minh bà G là con của liệt sĩ và ông C là người cao tuổi, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C, sửa bản án sơ thẩm về án phí. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà G và ông C phải chịu án

phí phúc thẩm. Ông C là người cao tuổi và bà Huỳnh Thị G là con của liệt sĩ nên được miễn tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án ngày 30/5/2022. Ngày 13/6/2022 bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm. Xét đơn kháng cáo của bà G và ông C còn trong hạn luật định. Bà G đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng quy định. Ông C là người cao tuổi nên được miễn tiền tạm ứng án phí phúc thẩm. Do đó kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Trần Thị Kim N trình bày bà có cho bà Huỳnh Thị G vay tiền nhiều lần tổng cộng là 95.000.000đ cụ thể vào các ngày như sau:

Ngày 24/7/2020 al (nhằm ngày 11/9/2020 dl) cho vay số tiền 20.000.000đ

Ngày 26/7/2020 al (nhằm ngày 13/9/2020 dl) cho vay số tiền 10.000.000đ

Ngày 11/8/2020 al (nhằm ngày 27/9/2020 dl) cho vay số tiền 30.000.000đ

Ngày 08/11/2020 al (nhằm ngày 21/12/2020 dl) cho vay số tiền 20.000.000đ

Ngày 30/11/2020 al (nhằm ngày 12/01/2021 dl) cho vay số tiền 15.000.000đ

Tổng cộng là 95.000.000đ, ngoài các lần vay như trên thì bà N không còn cho bà G vay khoản tiền nào khác. Khi cho vay tiền bà N có ghi vào sổ và mỗi lần nhận tiền bà G có ghi chữ “G nhận” vào sổ của bà N. Thời gian đã lâu mà bà G không trả vốn vay cho bà N nên bà N có liên hệ đến nhà bà G đòi tiền. Khi đòi tiền thì ông C chồng bà G và bà G hẹn trả tiền nhiều lần nhưng vẫn không trả. Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà G và ông C trả bà N số tiền 95.000.000đ. Bà N xác định chữ viết “G nhận” trong tài liệu mà bà cung cấp là chữ viết của bà G.

Bà G không thừa nhận có vay tiền của bà N vào các ngày như bà N trình bày. Tuy nhiên bà G thừa nhận trước đây năm nào bà không nhớ, bà G có hỏi vay tiền của bà N nhiều lần nhưng đã trả xong tiền vốn và lãi cho bà N từ trước năm 2021, khi trả không có làm biên nhận, đến ngày 19/5/2021 mới vay tiếp của bà N số tiền 35.000.000đ, không có làm biên nhận, đến nay còn nợ bà N số tiền vốn là 35.000.000đ. Nay bà G chỉ đồng ý trả bà N số tiền 35.000.000đ. Ngoài ra không còn nợ bà N khoản tiền nào khác. Bà G không thừa nhận chữ viết “G nhận” trên tài liệu do bà N cung cấp là chữ viết của bà G.

Ông Huỳnh Văn C trình bày: Việc vay mượn tiền giữa bà N và bà G ông không biết, nên ông không đồng ý trả bà N 95.000.000đ.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà N là có căn cứ. Bởi vì; bà N cho rằng có cho bà G vay tiền nhiều lần, tổng cộng là 95.000.000đ. Mỗi lần cho vay bà N có ghi vào sổ và mỗi lần bà G nhận tiền đều có ghi chữ “G nhận” vào sổ của bà N. Bà N xác định chữ ghi G nhận là chữ viết của bà G, bà G không thừa nhận là chữ “G nhận” là chữ viết của bà nhưng bà G cũng không yêu cầu giám định.

Mặc khác tại biên bản hòa giải ngày 23/12/2021 tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm bà G trình bày có vay tiền của bà N số tiền tổng cộng là 95.000.000đ không nhớ rõ thời gian cụ thể nhưng theo bà N cung cấp ngày, tháng, năm vay tiền theo biên nhận nợ thì bà G cũng thống nhất, bà G đã trả cho bà N tiền vốn và lãi tổng cộng là 74.200.000đ tới tháng 10 năm 2021, không nhớ rõ thời gian cụ thể, khi trả không có làm biên nhận. Phía bà N không thừa nhận là bà G có trả tiền cho bà nhưng bà G không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh đã trả tiền cho bà N. Hơn nữa bà G thừa nhận còn nợ bà N số tiền 35.000.000đ, bà N không thừa nhận nhưng bà G cũng không có chứng cứ chứng minh còn nợ bà N 35.000.000đ.

Từ những căn cứ nêu trên có đủ căn cứ xác định bà G còn nợ bà N số tiền 95.000.000đ. Do bà G trình bày là vay tiền của bà N làm vốn mua bán và sinh hoạt cho gia đình, nên án sơ thẩm buộc bà G và ông C trả bà N 95.000.000đ là có căn cứ. Do đó không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị G.

Đối với kháng cáo của ông Trương Văn C yêu cầu hủy án sơ thẩm nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh sai phạm nghiêm trọng của bản án sơ thẩm, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông C.

Đối với số tiền lãi 10.000.000đ bà Huỳnh Thị G cho rằng bà G giao cho ông NLC đóng lãi cho bà Trần Thị Kim N giùm bà G, các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Xét đề nghị của kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có căn cứ.

Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm: Do ông C là người cao tuổi và bà G là con liệt sĩ, nên được miễn tiền án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Trương Văn C và bà Huỳnh Thị G. Sửa bản án sơ thẩm số 50/2022/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về án phí.

Căn cứ Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Kim N.

Buộc bà Huỳnh Thị G và ông Trương Văn C có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Kim N số tiền nợ vay vốn là 95.000.000đ (chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm:

2.1. Miễn tiền án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Trương Văn C và bà Huỳnh Thị G. Hoàn trả bà Huỳnh Thị G nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền số 0008461 ngày 13/6/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

2.2. Bà Trần Thị Kim N không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Trần Thị Kim N 2.375.000đ tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0007890 ngày 14/12/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

3. Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ HCTP; hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐẶNG VĂN LỘC